

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phân ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN



Phạm Tiên Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Số : 35-18/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán này thay thế hoàn toàn cho Báo cáo kiểm toán số 249-18/BC-TC/III-VAE ngày 30 tháng 3 năm 2018.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		593.422.883.538	637.059.767.434
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	95.520.670.698	107.709.525.153
1 Tiền	111		75.833.473.747	33.338.292.618
2 Các khoản tương đương tiền	112		19.687.196.951	74.371.232.535
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	26.732.461.076	25.252.021.435
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.732.461.076	25.252.021.435
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.528.707.619	274.438.704.477
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	132.725.777.169	192.954.867.196
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.646.618.954	7.389.753.077
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	64.506.926.395	75.494.699.104
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.350.614.899)	(1.400.614.900)
IV Hàng tồn kho	140		272.139.493.531	227.832.515.967
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	272.139.493.531	227.832.515.967
V Tài sản ngắn hạn khác	150		501.550.614	1.827.000.402
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	208.892.338	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	870.539.976
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	292.658.276	956.460.426
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.475.692.591	174.641.610.940
I Các khoản phải thu dài hạn	210		9.772.086.324	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	9.772.086.324	-
II Tài sản cố định	220		31.899.567.943	31.646.729.712
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	31.869.734.603	31.497.563.044
- Nguyên giá	222		111.048.786.526	100.611.795.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.179.051.923)	(69.114.232.936)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	29.833.340	149.166.668
- Nguyên giá	228		1.612.401.616	1.612.401.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.582.568.276)	(1.463.234.948)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		542.254.546	480.098.293
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	542.254.546	480.098.293
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	125.330.527.819	128.425.895.503
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		111.330.527.819	115.546.023.802
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.000.000.000	14.000.000.000
3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.120.128.299)
VI Tài sản dài hạn khác	260		9.931.255.959	14.088.887.432
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	9.931.255.959	14.088.887.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		770.898.576.129	811.701.378.374

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		537.815.757.049	592.016.304.691
I Nợ ngắn hạn	310		533.040.062.269	591.410.091.577
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	367.402.930.189	439.418.777.781
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	20.140.594.164	43.400.787.003
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	2.344.325.257	4.611.768.736
4 Phải trả người lao động	314		43.206.514.531	39.931.115.807
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	11.735.000	1.404.514.005
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	5.261.109.158	9.259.835.977
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	74.939.425.772	30.520.655.174
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.733.428.198	22.862.637.094
II Nợ dài hạn	330		4.775.694.780	606.213.114
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.12.	3.742.746.437	-
2 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	11.797.221	11.797.221
3 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.28.	1.021.151.122	594.415.893
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.082.819.080	219.685.073.683
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	233.082.819.080	219.685.073.683
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.811.600.000	61.811.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.811.600.000	61.811.600.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		(5.000.000)	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.158.493.310	3.158.493.310
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		47.992.785.672	47.992.785.672
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.124.940.098	106.722.194.701
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		84.590.766.390	69.973.179.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.534.173.708	36.749.015.375
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		770.898.576.129	811.701.378.374

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.026.397.553.092	2.142.134.866.614
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	407.077.996	11.588.905.262
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.025.990.475.096	2.130.545.961.352
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	1.794.336.512.730	1.909.179.843.700
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		231.653.962.366	221.366.117.652
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	10.391.278.103	14.507.225.597
7 Chi phí tài chính	22	VI.6.	3.250.444.162	8.396.187.616
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.477.646.013	318.984.344
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		4.941.253.544	12.022.565.478
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9.	94.056.741.210	84.810.426.302
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	124.199.283.144	111.924.143.169
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		25.480.025.497	42.765.151.640
12 Thu nhập khác	31	VI.7.	8.477.141.474	5.298.713.074
13 Chi phí khác	32	VI.8.	2.174.881.923	4.818.171.528
14 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		6.302.259.551	480.541.546
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.782.285.048	43.245.693.186
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.995.363.335	6.145.123.247
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		426.735.229	351.554.564
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.360.186.484	36.749.015.375
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		26.360.186.484	36.749.015.375
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.030	5.866

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiên Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.782.285.048	43.245.693.186
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.214.502.315	8.546.030.568
- Các khoản dự phòng	03		(1.170.128.300)	2.018.031.485
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(686.999.136)	3.648.720.945
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.482.516.375)	(4.559.111.740)
- Chi phí lãi vay	06		1.477.646.013	318.984.344
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.134.789.565	53.218.348.788
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		67.160.823.286	13.977.118.066
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.306.977.564)	(52.613.074.088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(75.484.343.966)	(69.302.354.227)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.948.739.135	(7.276.844.800)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.477.646.013)	(318.984.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.829.926.088)	(6.455.585.073)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		75.000	9.970.001.164
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.224.529.451)	(100.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.078.996.096)	(58.902.364.514)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.490.368.354)	(12.022.402.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22		-	4.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.331.141.157)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.150.000.000)	(28.130.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.975.393.881	19.002.401.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.664.974.473)	(22.477.141.689)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9.995.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		384.920.966.436	196.986.985.866
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(340.496.389.663)	(174.040.485.709)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.543.480.000)	(21.634.060.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.876.096.773	1.312.440.157
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(12.867.873.796)	(80.067.066.046)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.709.525.153	187.550.836.661
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		679.019.341	225.754.538
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	95.520.670.698	107.709.525.153

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân Oanh

Đình Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Tổng Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 27/11/2017 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên thành **71.811.600.000 VND** (Bảy mươi một tỷ, tám trăm mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: MGG theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 98/2017/GCNCP-VSD-1 ngày 14/12/2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu và gia công các sản phẩm dệt may.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện ngành dệt may;
- Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;
- Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;
- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê làm nhà văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke vũ trường, quán bar).

Trụ sở Tổng Công ty: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH May Đức Giang có trụ sở tại Số 59 Đức Giang, Long Biên Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2017, tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty vào Công ty con là 100%, quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

1. Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh
Địa chỉ: Số 355 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 23%
Tỷ lệ phần sở hữu: 23%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 23%
2. Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao
Địa chỉ: Thôn Vân Lôi, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 28%
Tỷ lệ phần sở hữu: 28%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28%
3. Công ty Cổ phần Bình Mỹ
Địa chỉ: Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ vốn góp: 21%
Tỷ lệ phần sở hữu: 21%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 21%
4. Công ty Cổ phần Đô Lương
Địa chỉ: Lô A1, cụm công nghiệp Đô Lương - Xã Đô Lương - Huyện Đông Hưng - Thái Bình
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 20,9%
Tỷ lệ phần sở hữu: 20,9%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,9%
5. Công ty TNHH May Hưng Nhân
Địa chỉ: Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 29,14%
Tỷ lệ phần sở hữu: 29,14%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 29,14%
6. Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành
Địa chỉ: Km22+200, Tỉnh Lộ 282, Thôn Khoái Khê - Xã Nhân Thắng - Huyện Gia Bình - Bắc Ninh
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 35%
Tỷ lệ phần sở hữu: 35%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35%
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đức Giang
Địa chỉ: Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 21,67%
Tỷ lệ phần sở hữu: 21,67%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 21,67%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- | | | |
|----|--|---|
| 8. | Công ty Cổ phần
Lạc Thủy | Địa chỉ: Khu 10 - Thị trấn Chi Nê - Huyện Lạc Thủy - Hòa Bình
Hoạt động chính: May mặc
Tỷ lệ vốn góp: 30%
Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30% |
| 9. | Công ty Cổ phần
Giặt là tiết trùng
Đức Giang | Địa chỉ: Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội
Hoạt động chính: Giặt là
Tỷ lệ vốn góp: 20%
Tỷ lệ phần sở hữu: 20%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20% |

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, không có nợ phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản khác	03 - 06

8.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán hanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm phần mềm kế toán, lợi thế kinh doanh và tài sản cố định khác.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 08 năm.

Đến thời điểm 31/12/2017, lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty đã trích hết khấu hao từ các kỳ kế toán trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty là chi phí thi công nội thất tại trung tâm thương mại The Garden và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Các tài sản này đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí thuê gia công, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu gia công, ... Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**18.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	75.833.473.747	33.338.292.618
Tiền mặt	105.126.346	495.336.694
Tiền gửi ngân hàng	75.728.347.401	32.842.955.924
Tiền gửi VND	5.271.219.167	6.968.850.026
Tiền gửi USD	70.457.128.235	25.874.105.898
Các khoản tương đương tiền	19.687.196.951	74.371.232.535
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	19.687.196.951	74.371.232.535
Cộng	95.520.670.698	107.709.525.153

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn

Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội

Cộng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	26.732.461.076	26.732.461.076	25.252.021.435	25.252.021.435
	26.732.461.076	26.732.461.076	25.252.021.435	25.252.021.435
	26.732.461.076	26.732.461.076	25.252.021.435	25.252.021.435

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh

Công ty CP Thời trang phát triển cao

Công ty Cổ phần Bình Mỹ

Công ty Cổ phần Đô Lương

Công ty TNHH May Hưng Nhân

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Đức Giang

Công ty Cổ phần Lạc Thủy

Công ty Cổ phần Giặt và tiết trùng Đức Giang

+ Đầu tư vào đơn vị khác

Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không

Công ty Cổ phần May Đức Hạnh

Cộng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	97.653.473.009	111.330.527.819	80.043.473.009	115.546.023.802
	2.758.812.000	1.496.431.037	2.758.812.000	1.861.665.876
	11.200.000.000	11.811.512.406	5.600.000.000	6.981.379.180
	8.576.450.000	8.622.430.420	8.576.450.000	9.723.854.720
	25.080.000.000	25.080.000.000	25.080.000.000	25.080.000.000
	13.260.000.000	17.906.275.476	10.200.000.000	25.590.129.442
	7.078.211.009	12.371.307.923	7.078.211.009	13.588.688.883
	11.700.000.000	19.774.367.295	11.700.000.000	25.635.248.429
	12.000.000.000	8.268.203.262	9.000.000.000	7.035.057.272
	6.000.000.000	6.000.000.000	50.000.000	50.000.000
	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	12.879.871.701
	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	7.879.871.701
	111.653.473.009	125.330.527.819	94.043.473.009	128.425.895.503

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ

1) Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	23%	23%
	23%	23%

Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800486946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/5/2010. Công ty có trụ sở tại Số 355 Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh: mua hàng, bán hàng.

2) Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	28%	28%
	28%	28%

Công ty CP Thời trang phát triển cao được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500562543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 16/01/2009. Công ty có trụ sở tại Thôn Vân Lôi, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thời trang phát triển cao: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

3) Công ty Cổ phần Bình Mỹ

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	21%	21%
	21%	21%

Công ty CP Bình Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty cổ phần số 0700258195 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/03/2008. Công ty có trụ sở tại Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Bình Mỹ: nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	31/12/2017	01/01/2017
4) Công ty Cổ phần Đô Lương		
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	20,9%	20,9%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	20,9%	20,9%

Công ty CP Đô Lương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001093305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp ngày 14/01/2016. Công ty có trụ sở tại Lô A1, cụm công nghiệp Đô Lương - Xã Đô Lương - Huyện Đông Hưng - Thái Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đô Lương: góp vốn, đi vay.

Tổng Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty CP Đô Lương để đầu tư xây dựng Nhà máy may Veston tại cụm Công nghiệp Đô Lương huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần là cổ đông sáng lập nắm giữ 20,9% vốn điều lệ.

	31/12/2017	01/01/2017
5) Công ty TNHH May Hưng Nhân		
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	29,14%	29,14%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	29,14%	29,14%

Công ty TNHH May Hưng Nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 1000230421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 26/02/1998. Công ty có trụ sở tại Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Thái Bình - Thái Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Hưng Nhân: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

	31/12/2017	01/01/2017
6) Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành		
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	35%	35%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	35%	35%

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2300523477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/12/2009. Công ty có trụ sở tại Km22+200, Tỉnh Lộ 282, Thôn Khoái Khê - Xã Nhân Thắng - Huyện Gia Bình - Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đức Giang

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	21,67%	30%
	21,67%	30%

Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105816726 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2012. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

- Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

8) Công ty Cổ phần Lạc Thủy

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	30%	30%
	30%	30%

Công ty CP Lạc Thủy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400433945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/11/2013. Công ty có trụ sở tại Khu 10 - Thị trấn Chi Nê - Huyện Lạc Thủy - Hòa Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

- Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Lạc Thủy: góp vốn.

9) Công ty Cổ phần Giặt là tiết trùng Đức Giang

- Tỷ lệ vốn nắm giữ
- Tỷ lệ quyền biểu quyết

	31/12/2017	01/01/2017
	20%	20%
	20%	20%

Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107475359 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/3/2011. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực giặt là.

- Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang: góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	132.725.777.169	1.350.614.899	192.954.867.196	1.400.614.900
The Levy group inc	13.759.637.885	-	4.660.051.122	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang International direct group inc	53.300.778.497	-	52.224.255.493	-
Chung Mo Ltd	-	-	21.116.198.120	-
Brice S.A.S	811.814.060	-	16.033.672.413	-
New M Inc (Korea)	9.172.805.224	-	11.753.912.733	-
Các đối tượng khác	5.064.442.908	-	28.507.503.728	-
	50.616.298.595	1.350.614.899	58.659.273.587	1.400.614.900
b) Dài hạn	9.772.086.324	-	-	-
Công ty CP Lạc Thủy	2.173.116.867	-	-	-
Công ty CP Thời trang phát triển cao	1.851.372.533	-	-	-
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	2.172.745.523	-	-	-
Các đối tượng khác	3.574.851.401	-	-	-
Cộng	142.497.863.493	1.350.614.899	192.954.867.196	1.400.614.900

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Fob Happychick	-	464.602.542
Công ty CP May Đức Hạnh	-	4.700.720.149
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phương Tâm	654.720.000	-
Sanghai New Union Textra Import & Export Co.,Ltd	738.588.600	-
Các đối tượng khác	1.253.310.354	2.224.430.386
Cộng	2.646.618.954	7.389.753.077

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	64.266.004.520	-	75.377.819.057	-
Thuế GTGT chờ kê khai	13.693.048.895	-	14.258.394.275	-
Tiền thuế dừng đề nghị hoàn trên tờ khai thuế	50.105.911.545	-	57.908.769.809	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải thu thuế thu nhập của CBCNV có thu nhập	467.044.080	-	405.956.019	-
Các đối tượng khác	-	-	2.804.698.954	-
Ký cược ký quỹ	240.921.875	-	1.380.047	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Chương Dương	240.921.875	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	1.380.047	-
Tạm ứng	-	-	115.500.000	-
Đặng Ngọc Lan	-	-	115.500.000	-
Cộng	64.506.926.395	-	75.494.699.104	-

6. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	1.350.614.899	-	1.400.614.900	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Việt Thành	27.342.600	-	27.342.600	-
Công ty CP Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV	165.948.475	-	165.948.475	-
Công ty CP Siêu thị Sài Gòn	175.710.524	-	175.710.525	-
Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Cam Ranh	232.595.400	-	232.595.400	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	749.017.900	-	799.017.900	-
Cộng	1.350.614.899	-	1.400.614.900	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.635.986.954	-	38.875.812.946	-
Công cụ, dụng cụ	321.463.705	-	580.493.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	177.187.091.545	-	66.617.432.025	-
Thành phẩm	52.987.378.469	-	119.366.303.948	-
Hàng hóa	2.857.266.083	-	1.222.589.943	-
Hàng gửi bán	3.150.306.775	-	1.169.883.184	-
Cộng	272.139.493.531	-	227.832.515.967	-

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2017	45.751.305.854	28.070.120.265	16.283.008.321	1.775.367.373	8.731.994.167	100.611.795.980	
Mua trong năm	-	9.091.606.455	440.909.091	-	934.825.000	10.467.340.546	
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.350.000)	-	-	-	(30.350.000)	
Số dư ngày 31/12/2017	45.751.305.854	37.131.376.720	16.723.917.412	1.775.367.373	9.666.819.167	111.048.786.526	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2017	28.210.942.214	23.962.779.327	10.078.694.539	1.407.567.389	5.454.249.467	69.114.232.936	
Khấu hao trong năm	1.200.112.344	3.308.991.369	2.935.210.725	291.611.047	2.359.243.502	10.095.168.987	
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.350.000)	-	-	-	(30.350.000)	
Số dư ngày 31/12/2017	29.411.054.558	27.241.420.696	13.013.905.264	1.699.178.436	7.813.492.969	79.179.051.923	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2017	17.540.363.640	4.107.340.938	6.204.313.782	367.799.984	3.277.744.700	31.497.563.044	
Tại ngày 31/12/2017	16.340.251.296	9.889.956.024	3.710.012.148	76.188.937	1.853.326.198	31.869.734.603	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.918.512.167 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định khác	Lợi thế kinh doanh	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2017	179.000.000	57.277.000	1.376.124.616	1.612.401.616
Số dư ngày 31/12/2017	179.000.000	57.277.000	1.376.124.616	1.612.401.616
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2017	29.833.332	57.277.000	1.376.124.616	1.463.234.948
Khấu hao trong năm	119.333.328	-	-	119.333.328
Số dư ngày 31/12/2017	149.166.660	57.277.000	1.376.124.616	1.582.568.276
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	149.166.668	-	-	149.166.668
Tại ngày 31/12/2017	29.833.340	-	-	29.833.340

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.433.401.616 VND

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Thi công nội thất trung tâm thương mại The Garden	193.636.364	-
Thi công cải tạo nội thất Showroom The Garden	193.636.364	-
Thi công cải tạo bếp Tổng Công ty	102.809.091	-
Thi công chống thấm chống dột mái nhà tầng 3 và thay ống thoát nước mái nhà CNC số 2	52.172.727	-
Thi công nội thất cửa hàng 47 Trần Nhân Tông	-	480.098.293
Cộng	542.254.546	480.098.293

11. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	208.892.338	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	129.457.063	-
	79.435.275	-
b) Dài hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	9.931.255.959	14.088.887.432
Chi phí trả trước tiền thuê xe ô tô	3.892.800.795	3.547.529.722
Chi phí trả trước tiền thuê xe ô tô	-	807.551
Chi phí thi công nội thất showroom	1.853.118.714	4.830.276.851
Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc chờ phân bổ	2.461.776.620	4.729.387.266
Chi phí thuê nhà và chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	961.507.298	605.981.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	762.052.532	374.904.180
Cộng	10.140.148.297	14.088.887.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***12. Phải trả người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	367.402.930.189	367.402.930.189	439.418.777.781	439.418.777.781
Fob Bueltel	22.345.286.584	22.345.286.584	17.987.083.216	17.987.083.216
Duckyang Co.,Ltd	-	-	5.184.697.930	5.184.697.930
Jaio Trading	3.168.317.583	3.168.317.583	-	-
DFA Newyork LLC	19.808.236.404	19.808.236.404	13.317.876.183	13.317.876.183
New M Inc (Korea)	84.408.890.477	84.408.890.477	78.759.559.015	78.759.559.015
The Levy Group Inc	116.303.673.604	116.303.673.604	115.076.328.447	115.076.328.447
Chung Mo.,Ltd	24.347.050.580	24.347.050.580	21.365.659.506	21.365.659.506
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	10.716.045.626	10.716.045.626	13.814.988.548	13.814.988.548
Công ty TNHH May Hung Nhân	5.842.275.091	5.842.275.091	40.908.540.967	40.908.540.967
Fob Idg	-	-	31.333.264.916	31.333.264.916
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.098.326.226	2.098.326.226	4.527.575.211	4.527.575.211
Các đối tượng khác	78.364.828.014	78.364.828.014	97.143.203.842	97.143.203.842
b) Dài hạn	3.742.746.437	3.742.746.437	-	-
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	3.618.454.000	3.618.454.000	-	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	124.292.437	124.292.437	-	-
Cộng	371.145.676.626	371.145.676.626	439.418.777.781	439.418.777.781

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Textyle	7.704.582.833	12.483.369.838
Seiden (Overseas) Limited	3.318.479.581	7.997.665.957
Pierre cardin - Ahner	1.096.835.930	4.281.009.636
Asmara International.,Ltd	2.567.915.864	5.649.666.433
Moose International	-	9.060.310.129
Các đối tượng khác	5.452.779.956	3.928.765.010
Cộng	20.140.594.164	43.400.787.003

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	67.104.290.552	67.104.290.552	262.911.073.179	225.630.796.955	29.824.014.328	29.824.014.328
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	-	-	62.561.449.571	63.258.090.417	696.640.846	696.640.846
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (2)	7.835.135.220	7.835.135.220	31.206.928.097	23.371.792.877	-	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	-	8.300.000.000	8.300.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đồ Lương	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	74.939.425.772	74.939.425.772	384.979.450.847	340.560.680.249	30.520.655.174	30.520.655.174

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDDCVHMCT128-DUGARCO ngày 21/03/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hạn mức vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDDCVHMCT127-TCT DUCGIANG ngày 31/05/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hạn mức vay không vượt quá 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2017
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	1.385.933.423	16.587.819.262	17.335.151.610	638.601.075
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.598.506	14.598.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.641.835.712	4.331.561.184	5.829.926.088	1.143.470.808
Thuế thu nhập cá nhân	583.999.601	1.884.200.275	1.905.946.502	562.253.374
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.254.681.714	2.254.681.714	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	4.611.768.736	25.083.860.941	27.351.304.420	2.344.325.257
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	956.460.426	663.802.150	-	292.658.276
Cộng	956.460.426	663.802.150	-	292.658.276

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí gia công phải trả	11.735.000	1.404.514.005
Cộng	11.735.000	1.404.514.005

17. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	5.261.109.158	9.259.835.977
Kinh phí công đoàn	1.049.921.112	4.473.449.964
Các khoản bảo hiểm	2.972.875.797	3.303.128.942
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	887.284.239	1.441.742.105
Khoản nhận đặt cọc tiền hàng	300.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	51.028.010	41.514.966
b) Dài hạn	11.797.221	11.797.221
Ký cược ký quỹ	11.797.221	11.797.221
Cộng	5.272.906.379	9.271.633.198

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	61.811.600.000	-	3.158.493.310	106.516.881.075	171.486.974.385
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.749.015.375	36.749.015.375
Tăng khác	-	-	-	45.666.273	45.666.273
Phân phối các quỹ	-	-	-	(14.558.479.735)	(14.558.479.735)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.634.060.000)	(21.634.060.000)
Giảm khác	-	-	-	(396.828.287)	(396.828.287)
Số dư tại ngày 01/01/2017	61.811.600.000	-	3.158.493.310	106.722.194.701	171.692.288.011
Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	(5.000.000)	-	-	9.995.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	26.360.186.484	26.360.186.484
Chia cổ tức	-	-	-	(18.543.480.000)	(18.543.480.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(489.824.226)	(489.824.226)
Giảm khác	-	-	-	(3.924.136.861)	(3.924.136.861)
Số dư tại ngày 31/12/2017	71.811.600.000	(5.000.000)	3.158.493.310	110.124.940.098	185.090.033.408

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	71.811.600.000	61.811.600.000
Cộng	71.811.600.000	61.811.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHQT ngày 23/03/2017, số vốn tăng thêm là 10.000.000.000 đồng, tương ứng 1.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: MGG theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 98/2017/GCNCV-VSD-1 ngày 14/12/2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp đầu năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	71.811.600.000	61.811.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.543.480.000	21.634.060.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	7.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	7.181.160	6.181.160
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

f) Các quỹ của Tổng Công ty

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	47.992.785.672	-	-	47.992.785.672
Cộng	47.992.785.672	-	-	47.992.785.672

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.107.612,59	1.139.334,52

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.026.397.553.092	2.142.134.866.614
Cộng	2.026.397.553.092	2.142.134.866.614

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	407.077.996	11.588.905.262
Cộng	407.077.996	11.588.905.262

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	2.025.990.475.096	2.130.545.961.352
Cộng	2.025.990.475.096	2.130.545.961.352

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.794.336.512.730	1.909.179.843.700
Cộng	1.794.336.512.730	1.909.179.843.700

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.308.773.830	4.250.475.376
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.362.886.260	9.950.533.175
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	687.129.013	1.217.046
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.489.000	305.000.000
Cộng	10.391.278.103	14.507.225.597

6. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.477.646.013	318.984.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.892.796.571	6.345.296.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	129.877	3.649.937.991
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.120.128.299)	(1.918.031.485)
Cộng	3.250.444.162	8.396.187.616

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	200.000.000	3.636.364
Thu phạt hợp đồng	5.359.311.830	4.061.455.524
Tiền hỗ trợ từ khách hàng	-	134.620.306
Lãi phải trả mua cổ phiếu của cổ đông	-	228.429.887
Thu từ nguồn kinh phí công đoàn	2.403.770.921	-
Tiền phạt nghỉ việc người lao động	18.677.596	126.220.108
Thu nhập khác	495.381.127	744.350.885
Cộng	8.477.141.474	5.298.713.074

8. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí phạt hợp đồng	1.576.886.893	4.001.190.794
Lãi chậm nộp bảo hiểm	2.720.904	14.590.959
Chi phí phạt chậm nộp thuế	410.619.986	116.910.411
Chi phí khác	184.654.140	685.479.364
Cộng	2.174.881.923	4.818.171.528

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>94.056.741.210</i>	<i>84.810.426.302</i>
Chi phí nhân viên	18.208.916.354	12.366.471.499
Chi phí vật liệu, bao bì	11.441.705.255	8.100.305.283
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.590.856.954	1.611.780.774
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.337.685.479	1.834.081.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.357.078.993	24.289.726.002
Chi phí bằng tiền khác	34.120.498.175	36.608.060.941
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>124.249.283.145</i>	<i>112.024.143.169</i>
Chi phí nhân viên quản lý	90.858.109.799	79.894.976.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.751.063.840	1.971.374.039
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.462.861.551	3.744.928.450
Thuế, phí và lệ phí	4.873.598.131	6.355.940.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.605.056.080	10.938.956.176
Chi phí bằng tiền khác	8.698.593.744	9.117.966.829
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>50.000.001</i>	<i>100.000.000</i>
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	50.000.001	100.000.000
Cộng	218.256.024.354	196.734.569.471

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.834.250.789.356	1.169.340.062.733
Chi phí nhân công	244.614.360.993	236.737.058.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.212.614.011	8.546.030.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.942.472.069	878.260.354.345
Chi phí khác bằng tiền	66.664.520.767	70.325.266.433
Cộng	2.199.684.757.196	2.363.208.772.747

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.360.186.484	36.749.015.375
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.360.186.484	36.749.015.375
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	489.824.226
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.540.603	6.181.160
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.030	5.866

(* Tổng Công ty chưa có Nghị quyết về việc trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017.

Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các bút toán hồi tố.

	Năm 2016 Số trước điều VND	Điều chỉnh VND	Năm 2016 Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	51.195.941.980	(14.446.926.605)	36.749.015.375
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.311.174.642	(9.821.350.416)	489.824.226
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.181.160		6.181.160
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.614		5.866

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giảm khoản vay do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	64.290.586	1.264.555
- Tăng khoản vay do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	58.484.411	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải thu	97.627.225	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải trả	99.800.845	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	1.480.439.641	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Lợi nhuận được chia bù trừ với công nợ phải trả	17.873.463.303	-
- Giảm khoản vay do xử lý vào thu nhập	-	85.308.313
- Tăng chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác qua bù trừ cổ tức nhận được	4.460.000.000	2.700.000.000
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	384.920.966.436	196.986.985.866
Cộng	384.920.966.436	196.986.985.866
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	340.496.389.663	174.040.485.709
Cộng	340.496.389.663	174.040.485.709

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành
Công ty TNHH May Hưng Nhân
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh
Công ty CP Giặt là tiệt trùng Đức Giang
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang
Công ty CP Thời trang phát triển cao
Công ty CP Lạc Thủy
Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Cổ đông góp vốn

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Mua hàng	486.519.210.422	492.937.813.600
Công ty TNHH May Hưng Nhân	241.579.329.874	239.586.980.630
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	40.714.286.481	68.378.073.400
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	27.149.645.579	38.665.340.830
Công ty CP Thời trang phát triển cao	85.413.978.173	87.365.100.703
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	39.352.924.555	16.429.130.809
Công ty CP Lạc Thủy	52.309.045.760	42.460.823.592
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	-	52.363.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Bán hàng	74.204.148.029	115.598.144.425
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	118.133.334	422.310.541
Công ty CP Đô Lương	74.179.000	-
Công ty CP Lạc Thủy	1.761.408.929	189.037.128
Công ty CP Thời Trang phát triển cao	3.891.618.129	4.146.774.550
Công ty CP Thương Mại và Đầu Tư Đức Giang	41.344.809.968	82.122.595.599
Công ty TNHH May Hưng Nhân	9.024.175.865	10.012.513.371
Công ty TNHH May Và Thương Mại Việt Thành	1.092.317.223	2.844.900.248
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	16.897.505.581	15.860.012.988
Vay	28.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Lương	20.000.000.000	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	8.300.000.000	-
Cổ tức nhận được	19.938.033.995	17.431.039.105
Công ty TNHH May Hưng Nhân	15.300.000.000	10.200.000.000
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	2.123.463.303	4.246.926.605
Công ty CP Thời trang phát triển cao	1.400.000.000	840.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	1.114.570.692	2.144.112.500

(*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	64.830.630.208	62.784.211.380
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	53.300.778.497	52.257.798.918
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.052.246.101	4.179.091.610
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	253.028.087	229.437.214
Công ty CP Thời trang phát Triển Cao	1.851.372.533	724.989.124
Công ty TNHH May Và Thương mại Việt Thành	2.200.088.123	1.565.413.178
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	3.640.500.720
Công ty CP Lạc Thủy	2.173.116.867	186.980.616
Phải trả người bán	25.016.590.732	70.859.546.800
Công ty CP Thời trang phát triển cao	3.572.298.697	5.694.487.802
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.098.326.226	4.527.575.211
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	10.716.045.626	13.814.988.548
Công ty TNHH May Hưng Nhân	5.842.275.091	40.908.540.967
Công ty CP Đô Lương	82.203.100	-
Công ty CP Lạc Thủy	2.705.441.992	5.913.954.272

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Tổng Công ty

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Tổng Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương, thưởng	6.921.101.977	4.395.537.026
Cộng	6.921.101.977	4.395.537.026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền đã được trình bày tại Thuyết minh V.1) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được trình bày tại thuyết minh V.18).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	74.939.425.772	30.520.655.174
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	95.520.670.698	107.709.525.153
Nợ thuần	(20.581.244.926)	(77.188.869.979)
Vốn chủ sở hữu	233.082.819.080	219.685.073.683
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(8,8%)	(35,1%)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV)

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.520.670.698	107.709.525.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	205.654.174.989	267.048.951.400
Các khoản đầu tư tài chính	40.732.461.076	38.131.893.136
Cộng	341.907.306.763	412.890.369.689
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	74.939.425.772	30.520.655.174
Phải trả người bán và phải trả khác	376.418.583.005	448.690.410.979
Chi phí phải trả	11.735.000	1.404.514.005
Cộng	451.369.743.777	480.615.580.158

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	372.664.039.347	3.754.543.658	376.418.583.005
Chi phí phải trả	11.735.000	-	11.735.000
Các khoản vay	74.939.425.772	-	74.939.425.772

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	498.055.825.155	11.797.221	498.067.622.376
Chi phí phải trả	1.404.514.005	-	1.404.514.005
Các khoản vay	30.520.655.174	-	30.520.655.174

Tổng Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.520.670.698	-	95.520.670.698
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.882.088.665	9.772.086.324	205.654.174.989
Các khoản đầu tư tài chính	26.732.461.076	14.000.000.000	40.732.461.076

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.709.525.153	-	107.709.525.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.048.951.400	-	267.048.951.400
Các khoản đầu tư tài chính	25.252.021.435	12.879.871.701	38.131.893.136

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Ngoài ra, một số số liệu so sánh khác của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót", cụ thể như sau

4.1 Số liệu trước điều chỉnh hồi tố và sau điều chỉnh hồi tố:

a) Năm 2016

a.1) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		
		Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	130.146.917.365	(14.600.893.563)	115.546.023.802
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	70.127.146.284	(153.966.958)	69.973.179.326
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	51.195.941.980	(14.446.926.605)	36.749.015.375

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

a.2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		
		Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1.	Doanh thu hoạt động tài chính	28.954.152.202	(14.446.926.605)	14.507.225.597
2.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.692.619.791	(14.446.926.605)	43.245.693.186

a.3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		
		Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1.	Lợi nhuận trước thuế	57.692.619.791	(14.446.926.605)	43.245.693.186
2.	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(19.006.038.345)	14.446.926.605	(4.559.111.740)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Oanh

Kế toán trưởng



Đinh Đức Hải

Tổng Giám đốc



Phạm Tiến Lâm

T. N. H. H. I. C. P.